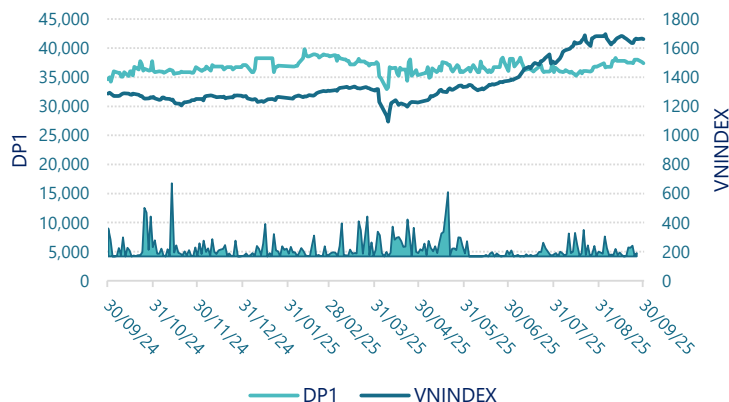




CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1 (UPCOM: DP1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	37,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,819
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,940
SL cổ phiếu LH	20,979,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,275
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	785
P/E	6.3
EPS	5,955

DT thuần

Q3/25

513

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.0 | -6.3%

YoY: ▲33.0 | 6.9%

LN sau thuế

Q3/25

45.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲22.9 | 102%

YoY: ▼2.20 | -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.3%

+/- YoY: ▼0.6%

DT thuần

9T 2025

1,546

tỷ VNĐ

YoY: ▲47.0 | 3.1%

LN sau thuế

9T 2025

99.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00 | -6.4%

ROE

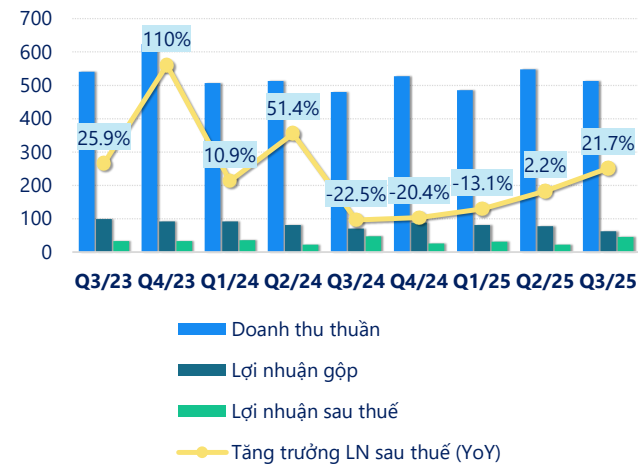
Q3/25

25.3%

+/- YoY: ▼12.6%

tỷ VNĐ

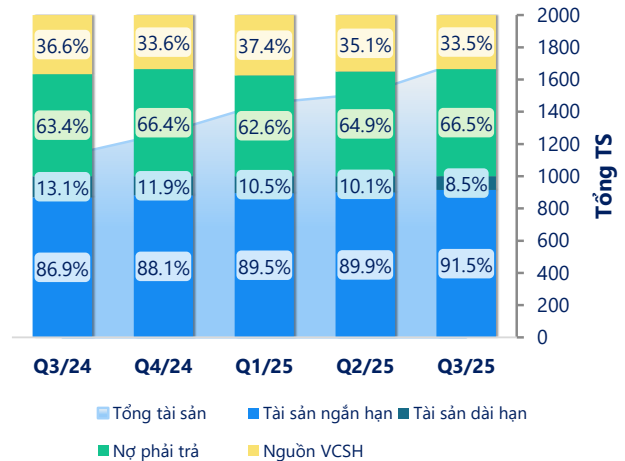
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

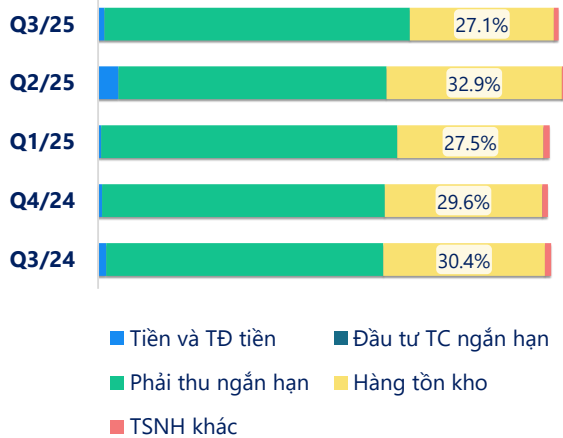
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



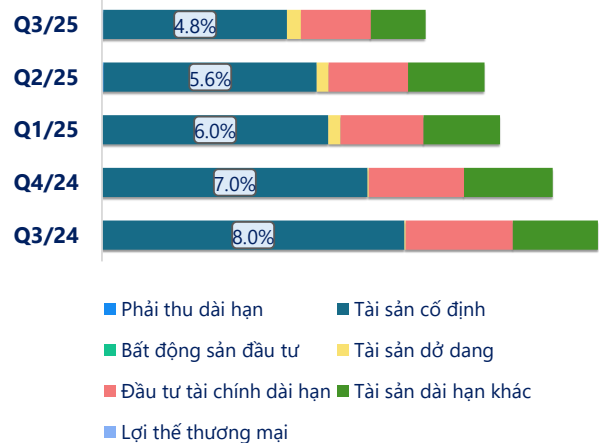
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

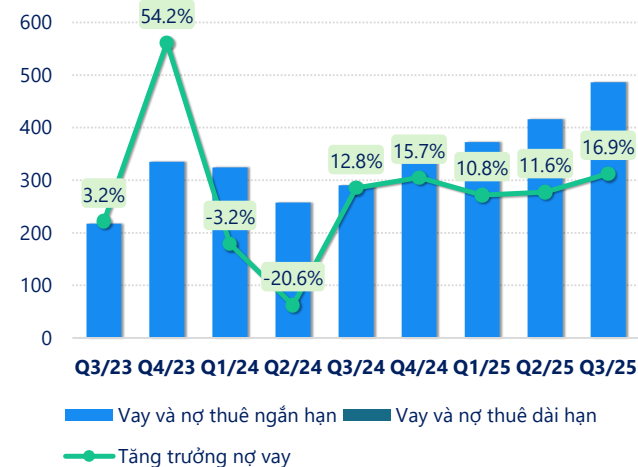
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

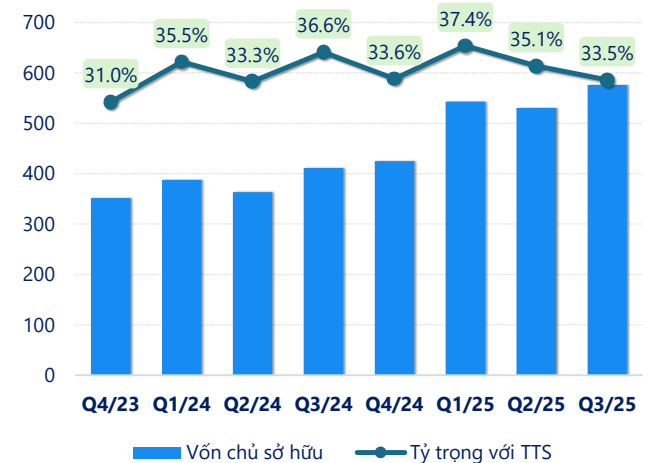
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

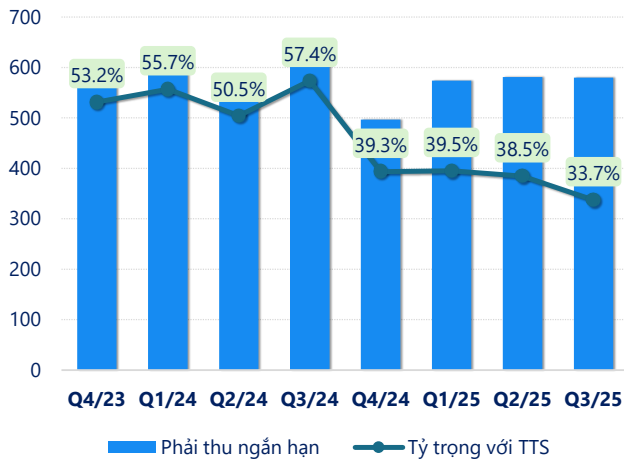
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



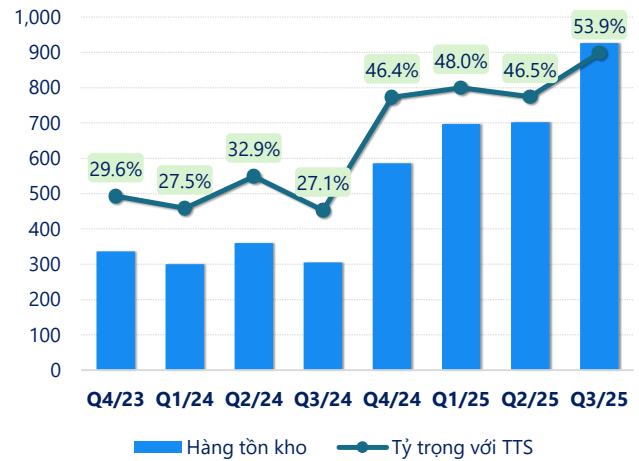
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


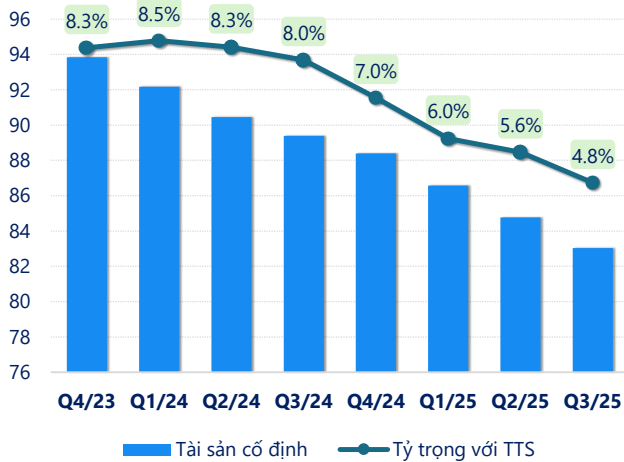
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


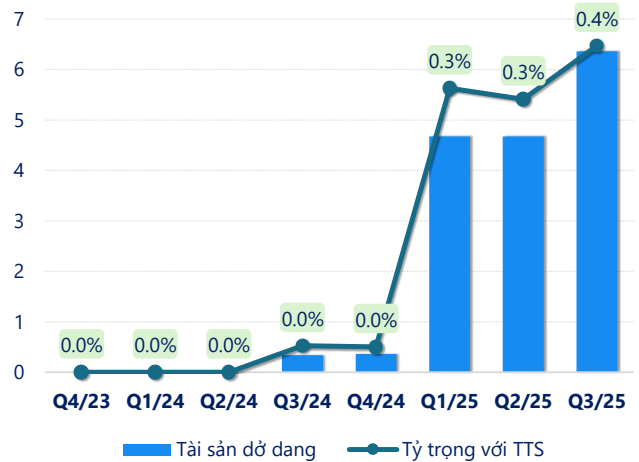
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

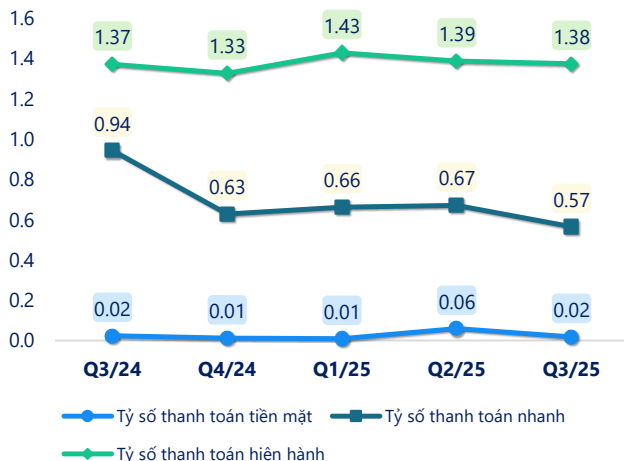
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

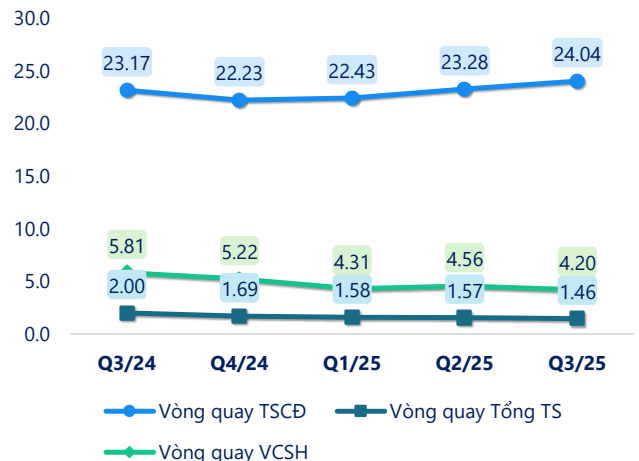
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,123	1,263	1,452	1,512	1,719
Tài sản ngắn hạn	976	1,113	1,300	1,359	1,573
Tiền và tương đương tiền	17.0	9.51	8.24	58.0	21.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	20.0
Phải thu ngắn hạn	644	497	574	581	580
Hàng tồn kho	305	586	697	702	926
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	21.0	20.7	17.8	25.7
Tài sản dài hạn	147	150	152	152	147
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.71	0.67
Tài sản cố định	89.4	88.4	86.6	84.8	83.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.34	0.36	4.68	4.68	6.36
Đầu tư tài chính dài hạn	31.7	31.6	31.7	31.7	31.6
Tài sản dài hạn khác	25.2	29.5	29.3	30.4	24.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	711	839	910	981	1,144
Nợ ngắn hạn	711	839	910	979	1,144
Vay và nợ thuê ngắn hạn	291	336	372	416	486
Phải trả người bán ngắn hạn	365	449	436	447	586
Nợ dài hạn	0	0	0	2.06	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	411	424	543	530	576
Vốn chủ sở hữu	411	424	543	530	576
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)